

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày: 23-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Tùng

2. Ông Phạm Duy Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM VĂN C1**- Sinh ngày 31 tháng 12 năm 2000, tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: mù chữ; Dân tộc: Hre; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn A (đã chết) và Phạm Thị I; Vợ, con: Chưa có; Tiền án/ tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/02/2020 cho đến nay (có mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C1:* Ông Nguyễn Xuân P- Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở làm việc: Số 108, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Người bị hại:* Ông Võ Chí T, sinh năm 1975 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

* *Bị đơn dân sự:* Anh Phạm Văn C2, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn dân sự:* Ông Bùi Phú V- Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở làm việc: Số 108, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

* *Người làm chứng:*

- Anh Trần Văn N, sinh năm 1979; (vắng mặt)

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1997; (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người phiên dịch:* Ông Phạm Văn C- Cán bộ Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (phiên dịch tiếng Hre) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 06/11/2019, Phạm Văn C2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 76K1-030.70 chở Phạm Văn C1 đi từ tỉnh Kon Tum về nhà tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi theo tuyến đường Quốc lộ 24. Trên đường đi, cả hai ghé vào quán cơm để ăn trưa và mua 10.000đ (Mười ngàn đồng) rượu gạo mang đi. Khi đi qua hết đoạn đèo Violăk, thuộc địa phận thôn L, xã B, huyện B thì Phạm Văn C2 dừng xe bên lề đường đồng thời lấy bình rượu gạo mua trước đó ra uống. Sau khi cả hai uống hết rượu, Phạm Văn C2 điều khiển xe mô tô chở Phạm Văn C1 về nhà mình cất đồ đạc rồi tiếp tục chở Phạm Văn C1 về nhà C1 ở thôn M, xã B, huyện B. Lúc này, Phạm Văn C1 rủ Phạm Văn C2 đi nhậu thì Phạm Văn C2 đồng ý. Phạm Văn C1 vào trong nhà cất đồ đạc, sau đó đi ra vị trí dựng xe mô tô và ngồi lên vị trí người điều khiển xe, bật chìa khóa xe (chìa khóa xe còn gắn trên ổ khóa điện của xe mô tô) thì Phạm Văn C2 không đồng ý và nói “Để tao chở cho”, rồi dùng tay đẩy Phạm Văn C1 ra vị trí sau xe nhưng Phạm Văn C1 gạt tay Phạm Văn C2, đồng thời nổ máy xe chuẩn bị chạy, Phạm Văn C2 ngồi vào vị trí phía sau được Phạm Văn C1 chở đến quán tạp hóa của bà Phạm Thị K ở cùng thôn. Tại đây, Phạm Văn C2 và Phạm Văn C1 cùng 02 người khác (không rõ họ tên) uống hết

khoảng 03 lít rượu thì nghỉ. Sau đó, Phạm Văn C2 đi ra vị trí để xe thì Phạm Văn C1 đi theo và lấy chìa khóa xe đang bọc trong người gắn vào ổ khóa điện và ngồi vào vị trí người điều khiển. Thấy vậy, Phạm Văn C2 dùng tay đẩy Phạm Văn C1 ra khỏi xe mô tô để ngồi vào vị trí người điều khiển nhưng không được nên ngồi ở phía sau Phạm Văn C1 điều khiển xe đi về nhà của C2 ở xã B, huyện B. Khoảng 14 giờ 04 phút, khi đi đến đoạn Km 50+900, Quốc lộ 24, thuộc thôn G, xã B, huyện B thì xe mô tô do Phạm Văn C1 điều khiển va chạm với xe mô tô BKS 76N5 – 8031 do ông Võ Chí T điều khiển lưu thông hướng ngược lại đang từ bên trái về lại phần đường bên phải theo chiều đi của mình. Hậu quả: Ông Võ Chí T chết trên đường đi cấp cứu, Phạm Văn C2 bị thương nặng được người dân đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện B sau đó chuyển xuống bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Phạm Văn C1 bị thương nhẹ, hai xe mô tô bị hư hỏng.

Căn cứ kết luận giám định số 849/KLGD-PC09, ngày 16/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

1. Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện là mặt lăn bánh trước xe mô tô BKS 76K-030.70 (tạo ra dấu vết rách cao su kích thước (1,5x2)cm ở mặt lăn bánh trước), với mặt trước đầu bên trái trục bánh trước xe mô tô BKS 76N5-8031 (tạo ra dấu vết bám dính chất lạ màu đen kích thước (2x3)cm ở đầu trục bên trái bánh trước).

2. Vị trí va chạm đầu tiên trên mặt đường giữa xe mô tô BKS 76K1-030.70 với xe mô tô BKS 76N5-8031 là khu vực phía Đông Bắc của đầu Đông Bắc dấu vết trượt, bám dính chất lạ màu đen trên mặt đường (kí hiệu số 2), thuộc phần đường phía Đông Quốc lộ 24.

Căn cứ kết luận giám định số 850/KLGD-PC09, ngày 20/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Không đủ cơ sở để giám định tốc độ của xe mô tô BKS 76K1-030.70 và xe mô tô BKS 76N5-8031 trước và khi xảy ra tai nạn.

Căn cứ kết luận giám định số 845/KLGD-PC09, ngày 09/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Võ Chí T tử vong do đa thương tích, đa chấn thương, chấn thương sọ não, vỡ sụn xương hộp sọ, xuất huyết não dẫn đến chết (BL: 81).

Căn cứ kết luận giám định số 848/KLGD-PC09, ngày 12/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: mẫu máu thu của ông Võ Chí T gửi giám định không có nồng độ cồn (Ethanol).

Căn cứ kết luận giám định pháp y về thương tích số 09/TgT, ngày 14/1/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phạm C2 do thương tích gây nên hiện tại là 24%.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS, ngày 29/04/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: Phần bị thiệt hại của xe mô tô BKS 76K1 – 030.70; nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: Đỏ bạc; số máy 034423; số khung: 034423 là 3.080.000đ (Ba triệu không trăm tám mươi ngàn đồng); Phần bị thiệt hại của xe mô tô BKS 76N5-8031; nhãn hiệu DAME, màu sơn: Đen; số máy 01176002; số khung: 01176002 là 1.390.000đ (Một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng) .

Qua công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, lời khai của Phạm Văn C1 và các tài liệu chứng cứ khác cho thấy: Nguyên nhân chính xảy ra vụ tai nạn giao thông trên là do Phạm Văn C1 điều khiển xe mô tô BKS 76K1-030.70, chở Phạm Văn C2 ngồi phía sau lưu thông theo hướng từ xã B đi xã B tham gia giao thông đi sai làn đường, phần đường quy định (vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, quy định tại khoản 1, Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008, quy định “*Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ*”; Đã sử dụng rượu (nồng độ cồn (Ethanol) của Phạm Văn C1) là 0,694mg/lít khí thở, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008 về “Các hành vi bị nghiêm cấm: Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/ lít khí thở; tại thời điểm xảy ra tai nạn, Phạm Văn C1 điều khiển xe mô tô BKS 76K1-030.70 chưa có giấy phép lái xe theo quy định, đã phạm vào khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ năm 2008, quy định “*Người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe quy định tại Điều 60 của Luật này và có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp*”; không chú ý quan sát (vi phạm điểm b, khoản 7 Điều 6 Nghị định 46/2016/NĐ-CP, ngày 26/05/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt: “điểm c: không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông;...”)) đã làm xe mô tô BKS 76K1-030.70 va chạm vào xe mô tô BKS 76N5-8031 do ông Võ Chí T điều khiển tử vong.

- Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp cho người bị hại là bà Nguyễn Thị B yêu cầu bồi thường chi phí mai táng và tổn thất tinh thần tổng số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng). Trong giai đoạn điều tra, gia đình Phạm Văn C1 đã khắc phục số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Ngoài ra, đại diện người bị hại yêu cầu khắc phục toàn bộ chi phí sửa chữa thiệt hại của xe mô tô BKS 76N5-8031 với số tiền 1.390.000đ (Một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng).

- Tại phiên tòa Phạm Văn C1 khai nhận: Trước khi xảy ra tai nạn, Phạm Văn C1 đã uống rượu; điều khiển xe mô tô BKS 76K1-030.70, chở Phạm Văn C2 ở phía sau lưu thông hướng B đi xã B chạy ở giữa tâm đường, tốc độ chạy nhanh và không đội mũ bảo hiểm. Khi phát hiện xe mô tô BKS 76N5-8031 do Võ Chí T điều khiển đi qua đường, ngược chiều với Phạm Văn C1 ở khoảng cách gần (khoảng 02 mét), Phạm Văn C1 không kịp đánh lái đầu xe, không giảm tốc độ nên mới xảy ra va chạm. Bị cáo khai nhận tại thời điểm gây tai nạn giao thông đường bộ, bị cáo chưa có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 29/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Văn C1 về “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định khoản 02 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C1 phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Về hình phạt: đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 02 Điều 260; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn C1 từ 36 đến 40 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: buộc chủ xe phải bồi thường tiền mai táng phí, tiền tổn thất về tinh thần và sửa chữa xe mô tô với tổng số tiền 116.390.000đồng.

* Về xử lý vật chứng đề nghị:

Trả lại 01 xe mô tô BKS 76N5-8031; nhãn hiệu DAME; màu sơn: Đen; số máy: 01176002; số khung: 01176002; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 0082610 do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/10/2001 mang tên Võ Chí T; 01 giấy phép lái xe số 510030012576, hạng A1 mang tên Võ Chí T; 01 giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc TNDS, kèm theo giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô – xe máy số 1908851099, ghi Võ Chí T cho gia đình người bị hại.

Trả lại 01 xe mô tô BKS 76K1-030.70; nhãn hiệu YAMAHA; màu sơn: Đỏ bạc; số máy: 034423; số khung: 034423; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số

001609, mang tên Phạm Văn T, sinh năm 1990, ở thôn M, xã B, huyện B cho anh Phạm Văn C2; Tuy nhiên, cũng cần tiếp tục duy trì lệnh tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trả lại 01 áo khoát dài tay, màu đen và 01 quần jeans dài, màu xanh đen cho Phạm Văn C1.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a, b khoản 02 Điều 260; Điểm b s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn C1 12 đến 18 tháng tù.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn dân sự: chấp nhận mức yêu cầu của gia đình người bị hại, tuy nhiên đề nghị xem xét trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị đơn dân sự đối với yêu cầu của gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa; những người làm chứng vắng mặt không lý do. Xét thấy người làm chứng quá trình điều tra đã có bản khai, nên không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt của những người trên theo quy định tại Điều 291, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn dân sự Phạm Văn C2, người đại diện hợp pháp cho người bị hại đã chết không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh theo truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Phạm Văn C1 Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn C1 đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời

khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phúc cung của Viện kiểm sát và phù hợp khách quan với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm xe mô tô, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 14 giờ 04 phút ngày 06/11/2019, sau khi uống rượu say tại quán tạp hóa của bà Phạm Thị K ở thôn M, xã B, huyện B, Phạm Văn C1 giành điều khiển xe mô tô BKS 76K1 - 030.70 với Phạm Văn C2 (xe mô tô của Phạm Văn C2) di chuyển từ hướng xã B chạy về hướng xã B. Khi đi đến Km50 + 900, QL 24, thuộc thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, do đã sử dụng rượu vượt mức quy định, đi không đúng làn đường, phần đường theo quy định, không chú ý quan sát, không giảm tốc độ khi gặp chướng ngại vật phía trước nên dẫn đến va chạm với xe mô tô BKS 76N5-8031 do ông Võ Chí T điều khiển hướng ngược lại. Hậu quả làm cho ông Võ Chí T bị ngã xuống mặt đường, bị chấn thương sọ não gây tụ máu nội sọ và dẫn đến tử vong. Bản thân bị cáo và bị đơn dân sự Phạm Văn C2 cũng bị thương và làm hai xe mô tô hư hỏng.

[4] Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định dấu vết va chạm, lời khai của bị cáo, lời khai người làm chứng thấy rằng: Nguyên nhân chính xảy ra vụ tai nạn giao thông trên là do Phạm Văn C1 điều khiển xe mô tô BKS 76K1-030.70, chở Phạm Văn C2 ngồi phía sau lưu thông theo hướng từ xã B đi xã B tham gia giao thông đi sai làn đường, phần đường quy định (vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, quy định tại khoản 1, Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008, quy định “*Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ*”; Đã sử dụng rượu (nồng độ cồn (Ethanol) của Phạm Văn C1) là 0,694mg/lít khí thở, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008 về “Các hành vi bị nghiêm cấm: Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/ lít khí thở; tại thời điểm xảy ra tai nạn, Phạm Văn C1 điều khiển xe mô tô BKS 76K1-030.70 chưa có giấy phép lái xe theo quy định, đã phạm vào khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ năm 2008, quy định “*Người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe quy định tại Điều 60 của Luật này và có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp*”; không chú ý quan sát (vi phạm điểm b, khoản 7 Điều 6 Nghị định 46/2016/NĐ-CP, ngày 26/05/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt: “điểm b: không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông;...”)) đã làm xe mô tô BKS 76K1-030.70 va chạm vào xe mô tô BKS 76N5-8031 do ông Võ Chí T điều khiển tử vong.

Tuy nhiên, cũng xét thấy rằng mặc dù điểm va chạm giữa hai xe mô tô thuộc phần đường của người bị hại Võ Chí T, nhưng trước khi xảy ra va chạm giữa hai xe, ông Võ Chí T cũng có hành vi điều khiển xe đi lấn qua phần đường của xe ngược chiều, cho nên hậu quả xảy ra có một phần lỗi của người bị hại ông Võ Chí T. Nhưng nguyên nhân chính vẫn là do bị cáo điều khiển xe trong tình trạng đã sử dụng rượu vượt mức quy định, đi không đúng phần đường của mình chạy lấn sang phần đường của xe ngược chiều, thiếu quan sát, chạy với tốc độ nhanh nên khi gặp chướng ngại vật phía trước không giảm tốc độ, không kịp xử lý nên mới xảy ra tai nạn. Nên xét về mức độ lỗi thì lỗi của bị cáo chiếm 2/3, người bị hại ông Võ Chí T lỗi 1/3.

[5] Hành vi của bị cáo Phạm Văn C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a,b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự . Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tư truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại về tính mạng và tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội và an toàn giao thông trên địa bàn. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: không có

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn C1 đã thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường một phần cho gia đình người bị hại với số tiền 10.000.000đ, nguyên nhân xảy ra tai nạn có một phần lỗi của người bị hại đây là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[8] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy cần phải áp dụng hình phạt tù trong khung hình phạt cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về nhân thân của bị cáo: Theo các tài liệu như lý lịch bị can, sổ hộ khẩu gia đình đều thể hiện Phạm Văn C1 sinh năm 2000 (không có ngày tháng sinh cụ thể), nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xác định bị cáo sinh vào ngày 31-12-2000 là đúng theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 417 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[9] Đối với Phạm Văn C2: Do lần đầu mới gặp nhau nên Phạm Văn C2 không biết rõ Phạm Văn C1 đã có giấy phép lái xe hay chưa. Mặc dù Phạm Văn C2 biết rõ C1 đã sử dụng rượu (nồng độ cồn (Ethanol) của Phạm Văn C2 và Phạm Văn C2 đều vượt mức cho phép) nhưng lúc đầu C2 không nghĩ Phạm Văn C1 sẽ điều khiển xe mô tô của mình nên khi Phạm Văn C1 ngồi vào vị trí người điều khiển xe thì Phạm Văn C2 không đồng ý và có hành động ngăn cản đẩy Phạm Văn C1 ra vị trí ngồi phía sau nhưng bị C1 gạt tay lại. Đồng thời, nổ máy xe chuẩn bị điều khiển nên Phạm Văn C2 buộc phải ngồi vào vị trí phía sau xe. Trong quá trình dừng xe đi vào tạp hóa của bà Phạm Thị K để uống rượu, Phạm Văn C1 là người giữ chìa khóa (bọc chìa khóa trong người) và quản lý xe của Phạm Văn C2 nhằm mục đích không cho C2 về. Phạm Văn C2 cho rằng C cao to hơn và bản thân say rượu nên không đủ sức ngăn cản Phạm Văn C1 điều khiển xe, bắt buộc phải ngồi lên vị trí phía sau xe đi về nhà.

Việc Phạm Văn C1 điều khiển xe mô tô BKS 76K1-030.70 do Phạm Văn C2 là chủ sở hữu dẫn đến tai nạn giao thông là do Phạm Văn C1 tự ý điều khiển, Phạm Văn C2 không tự nguyện giao xe mà nhiều lần ngăn cản Phạm Văn C1 điều khiển. Vì không ngăn cản được nên Phạm Văn C2 buộc phải ngồi phía sau xe để Phạm Văn C1 điều khiển. Xét thấy, Phạm Văn C1 điều khiển xe mô tô BKS 76K1-030.70 chở Phạm Văn C2 ngồi phía sau dẫn đến tai nạn giao thông là ngoài ý muốn của Phạm Văn C2. Do đó, hành vi của Phạm Văn C2 chưa thỏa mãn yếu tố cấu thành tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, quy định tại Điều 264 BLHS. Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn C2 là phù hợp.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 589, 591, 601 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 03/HĐTP-TATC ngày 08/07/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định chi tiết về vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng, sức khỏe, tài sản bị xâm phạm thấy:

Đại diện gia đình bị hại Võ Chí T yêu cầu bồi thường thiệt hại về mặt thể chất tinh thần 100.000.000đồng; chi phí mai táng cho ông Võ Chí T 15.000.000đồng; tiền sửa chữa xe mô tô bị hư hỏng 1.390.000đồng, Tổng cộng số tiền là 116.390.000đồng. Xét yêu cầu của gia đình người bị hại Hội đồng xét xử xét thấy rằng các yêu cầu của người đại diện hợp pháp cho người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận các khoản sau: tổn thất về tinh thần 100.000.000đồng; chi phí mai táng cho ông Võ Chí T 15.000.000đồng; tiền sửa chữa xe mô tô bị hư hỏng 1.390.000đồng, Tổng cộng số tiền là 116.390.000 đồng.

Tuy nhiên, xét thấy trong vụ án này các bên đều có lỗi khi xảy ra tai nạn nên căn cứ theo quy định tại điều 585 Bộ luật dân sự các bên phải chịu trách nhiệm bồi

thường tương ứng với mức độ lỗi của mình. Trong đó, anh T có lỗi 1/3 tương ứng với số tiền 116.390.000đồng : $1/3 = 38.796.000$ đồng, lỗi của bị cáo là 2/3 nên phải chịu tương ứng với số tiền 116.390.000đồng : $2/3 = 77.593.000$ đồng.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Mặc dù chủ xe anh Phạm Văn C2 đã giao xe mô tô cho bị cáo điều khiển, nhưng chủ xe anh C2 vẫn ngồi sau xe; do đó, anh C2 vẫn đang là người chiếm hữu, sử dụng chiếc xe mô tô này, nên phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với phần lỗi của bị cáo tương ứng số tiền 77.593.000đồng. Hiện nay bị cáo đã bồi thường trước là 10.000.000đồng, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu anh C2 trả lại nên số tiền này được khấu trừ vào số tiền mà anh C2 phải bồi thường. Anh C2 còn tiếp tục bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 77.593.000đồng – 10.000.000đồng = 67.593.000đồng.

[11] Về xử lý vật chứng:

Trả lại 01 xe mô tô BKS 76N5-8031; nhãn hiệu DAME; màu sơn: Đen; số máy: 01176002; số khung: 01176002; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 0082610 do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/10/2001 mang tên Võ Chí T; 01 giấy phép lái xe số 510030012576, hạng A1 mang tên Võ Chí T; 01 giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc TNDS, kèm theo giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô – xe máy số 1908851099, ghi Võ Chí T cho gia đình người bị hại.

Trả lại 01 xe mô tô BKS 76K1-030.70; nhãn hiệu YAMAHA; màu sơn: Đỏ bạc; số máy: 034423; số khung: 034423; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001609, mang tên Phạm Văn T, sinh năm 1990, ở thôn M, xã B, huyện B cho anh Phạm Văn C2; Tuy nhiên, hiện nay về trách nhiệm dân sự anh C2 chưa bồi thường xong nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự về sau.

Trả lại 01 áo khoát dài tay, màu đen và 01 quần jeans dài, màu xanh đen cho Phạm Văn C1.

[12] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn C1 phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn C2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường cho người bị hại $67.593.000\text{đồng} \times 5\% = 3.379.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Các Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình

sự; Các Điều 585, 589, 591 và Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C1 phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc anh Phạm Văn C2 phải có trách nhiệm bồi thường cho đại diện của bị hại ông Võ Chí T số tiền 67.593.000đồng (*Sáu mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi ba ngàn đồng*). Số tiền này giao cho bà Nguyễn Thị B là người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại Võ Chí T nhận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bà Nguyễn Thị B 01 xe mô tô BKS 76N5-8031; nhãn hiệu DAME; màu sơn: Đen; số máy: 01176002; số khung: 01176002; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 0082610 do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/10/2001 mang tên Võ Chí T; 01 giấy phép lái xe số 510030012576, hạng A1 mang tên Võ Chí T; 01 giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc TNDS, kèm theo giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô – xe máy số 1908851099, ghi Võ Chí T.

Trả lại cho anh Phạm Văn C2 01 xe mô tô BKS 76K1-030.70; nhãn hiệu YAMAHA; màu sơn: Đỏ bạc; số máy: 034423; số khung: 034423; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001609, mang tên Phạm Văn T, sinh năm 1990, ở thôn M, xã B, huyện B. Nhưng tiếp tục tạm giữ xe mô tô BKS 76K1-030.70; nhãn hiệu YAMAHA; màu sơn: Đỏ bạc; số máy: 034423; số khung: 034423 của anh Phạm Văn C2 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trả lại cho Phạm Văn C1 01 áo khoát dài tay, màu đen và 01 quần jeans dài, màu xanh đen.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Ba Tư theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2020)

4. Về án phí:

Bị cáo Phạm Văn C1 phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn C2 phải chịu 3.379.000đồng (Ba triệu, ba trăm bảy mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án 23/9/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp T. Quảng Ngãi
- VKS H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Ngoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA